

BỘ NGOẠI GIAO
HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG¹

1. Tên cơ sở giáo dục:

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO (DIPLOMATIC ACADEMY OF VIETNAM)

2. Địa chỉ: Học viện Ngoại giao, số 69, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.dav.edu.vn>

Địa chỉ hòm thư điện tử: hvng@mofa.gov.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu: chi tiết tại: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=210533>

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục: chi tiết tại:
<https://dav.edu.vn/su-mang-tam-nhin-gia-tri-cot-loi-khau-hieu-hanh-dong-va-triet-ly-giao-duc-cua-hoc-vien-ngoai-giao/>

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục: chi tiết tại:
<https://dav.edu.vn/lich-su-hinh-thanh-va-phat-trien/>

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

Họ và tên: TS. Nguyễn Hùng Sơn

Chức vụ: Giám đốc Học viện Ngoại giao

Địa chỉ nơi làm việc: Học viện Ngoại giao, số 69 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.38344540

Email: hungson@dav.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục:
chi tiết tại: <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/7/08-ttg.signed.pdf>

¹ Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư 09/2024/TT-BGĐT

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Quyết định số 433/QĐ-BNG ngày 25/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc công nhận bổ sung các thành viên Hội đồng Học viện tại Học viện Ngoại giao nhiệm kỳ 2020-2025

- Quyết định số 1199/QĐ-HĐHV ngày 30/7/2024 của Hội đồng học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng Học viện Ngoại giao giai đoạn 2020-2025 (sửa đổi và bổ sung)

- Quyết định số 1743B/QĐ-BNG ngày 24/08/2020 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc thành lập Hội đồng Học viện tại Học viện Ngoại giao Nhiệm kỳ 2020-2025

Danh sách thành viên hội đồng trường: chi tiết tại:

<https://dav.edu.vn/hoi-dong-hoc-vien-ngoai-giao-bo-sung-them-mot-so-thanh-vien-moi/>

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm giám đốc, phó giám đốc Học viện Ngoại giao:

- Quyết định số 1567/QĐ-BNG ngày 22/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý: Bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Hùng Sơn, Quyền Giám đốc, Học viện Ngoại giao giữ chức Giám đốc, Học viện Ngoại giao kể từ ngày ký Quyết định.

- Quyết định số 3188/QĐ-BNG ngày 09/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý: Bổ nhiệm có thời hạn bà Nguyễn Thị Thìn, Chuyên viên chính 3/8, Trưởng ban, Ban Đào tạo, Học viện Ngoại giao, giữ chức Phó Giám đốc, Học viện Ngoại giao từ ngày ký Quyết định.

- Quyết định số 3616/QĐ-BNG ngày 29/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý: Bổ nhiệm có thời hạn bà Nguyễn Thị Lan Anh, Viện trưởng, Viện Biển Đông, Học viện Ngoại giao giữ chức Phó Giám đốc, Học viện Ngoại giao từ ngày ký Quyết định.

- Quyết định số 1278/QĐ-BNG ngày 23/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý: Điều động, bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Mạnh Đông, nguyên Phó Chủ nhiệm, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài giữ chức Phó Giám đốc, Học viện Ngoại giao từ ngày ký Quyết định. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Ngoại giao, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Học viện Ngoại giao và của các đơn vị thuộc, trực thuộc; sơ đồ tổ chức bộ máy của Học viện Ngoại giao: chi tiết tại:

<https://dav.edu.vn/co-cau-to-chuc-hoc-vien-ngoai-giao/>

<https://dav.edu.vn/cac-don-vi-trong-hoc-vien-ngoai-giao/>

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Học viện Ngoại giao: chi tiết tại:

<https://dav.edu.vn/ban-giam-doc-18276/>

8. Các văn bản khác của Học viện Ngoại giao:

a. Chiến lược phát triển:

- Quyết định số 1748/QĐ-HVNG ngày 25/09/2023 của Giám đốc Học viện Ngoại giao Ban hành Chiến lược phát triển Học viện Ngoại giao giai đoạn 2019-2029 (Điều chỉnh, bổ sung cho giai đoạn 2024-2029)

b. Quy định, chính sách về đảm bảo chất lượng:

- Quyết định số 599/QĐ-HVNG ngày 05/05/2023 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy định về so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 586/QĐ-HVNG ngày 02/06/2022 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Sổ tay Đảm bảo chất lượng của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 583/QĐ-HVNG ngày 02/06/2022 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy định sửa đổi về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 171/QĐ-HVNG ngày 24/02/2022 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc Ban hành Quy định về hoạt động khảo sát các bên liên quan.

- Quyết định số 1333/QĐ-HVNG ngày 31/12/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy trình cải tiến chất lượng sau tự đánh giá và đánh giá ngoài tại Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 1227/QĐ-HVNG ngày 30/11/2020 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy trình chuẩn bị đánh giá ngoài của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 72/QĐ-HVNG ngày 19/02/2020 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc Ban hành quy trình tự đánh giá chất lượng Chương trình Đào tạo của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 582/QĐ-HVNG ngày 16/07/2019 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc Ban hành Quy trình Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục Học viện Ngoại giao theo quy định của Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT.

c. Quy chế tổ chức và hoạt động:

- Quy định số 1323/QĐ-HVNG ngày 18/12/2020 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 422/QĐ-HVNG ngày 20/03/2025 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy tại Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 29/QĐ-HVNG ngày 09/01/2025 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy tại Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 666/QĐ-HVNG ngày 23/9/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Quyết định số 81/QĐ-HVNG ngày 28/1/2022 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành quy trình tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Ngoại giao.

- Quy định số 959/QĐ-HVNG ngày 15/10/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 82/QĐ-HVNG ngày 28/01/2022 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành quy trình tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Ngoại giao.

- Quy định về khuyến khích công tác xuất bản, nghiên cứu khoa học:

✓ Quyết định số 1618/QĐ-HVNG ngày 29/09/2024 của Giám đốc Học viện Ngoại giao phê duyệt Đề án thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học tại Học viện Ngoại giao gắn với công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín giai đoạn 2024-2026.

✓ Quyết định số 460/QĐ-HVNG ngày 02/04/2024 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Quy chế Khen thưởng thành tích nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Học viện Ngoại giao.

d. Quy chế tài chính:

- Quyết định ban hành tiêu chuẩn định mức: Quyết định số 1784/QĐ-BNG ngày 12/07/2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 1017/QĐ-HVNG ngày 03/07/2023 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy trình thanh toán tại Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 63/QĐ-HVNG ngày 17/01/2025 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quyết định số 2303/QĐ-HVNG ngày 20/12/2022 của Giám đốc Học viện Ngoại giao Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 1253/QĐ-HVNG ngày 09/12/2019 của Giám đốc Học viện Ngoại giao Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Học viện Ngoại giao.

e. Danh mục vị trí việc làm:

- Quyết định số 443/QĐ-HVNG ngày 27/03/2024 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc phê duyệt tạm thời Đề án vị trí việc làm của Học viện Ngoại giao.

g. Quy định về công tác cán bộ, nhân sự:

- Quyết định số 1271/QĐ-HVNG ngày 31/08/2022 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc của nhân viên tại Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 1306/QĐ-HVNG ngày 08/08/2023 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc, chính sách đối với giảng viên tại Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 1285/QĐ-HVNG ngày 10/12/2020 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình độ, năng lực viên chức giảng dạy tại Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 1286/QĐ-HVNG ngày 10/12/2020 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình độ, năng lực viên chức nghiên cứu khoa học của Học viện Ngoại giao.

h. Quy chế dân chủ:

- Nghị quyết số 2396/NQ-HVNG ngày 30/12/2022 của Hội đồng Học viện Ngoại giao Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Ngoại giao.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian²

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	31.16	Không có yêu cầu trong báo cáo công khai
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	95.24%	
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	40.26%	

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo³

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	231		138	93	15	4
	Nhân văn	28		18	10	1	
	Khoa học xã hội & hành vi	92		50	42	5	4
	Báo chí & Thông tin	50		37	13	4	
	Kinh doanh & quản lý	21		11	10	1	
	Pháp luật	40		22	18	4	
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	211		134	77	8	1
	Nhân văn	27		18	9		
	Khoa học xã hội & hành vi	85		48	37	4	1
	Báo chí & Thông tin	43		36	7		
	Kinh doanh & quản lý	19		10	9		
	Pháp luật	37		22	15	4	

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁴

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	26	Không có yêu

² Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 2 (Giảng viên) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

³ Các số liệu thống kê bảo đảm thống nhất với quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT

⁴ Chỉ tính số cán bộ quản lý và nhân viên các đơn vị hành chính phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ hỗ trợ cán bộ và sinh viên; không tính các đơn vị sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hạch toán riêng.

2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	131	cầu trong báo cáo công khai
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	67.96%	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁵

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Diện tích đất/người học (m2)	Áp dụng từ năm 2030	
2	Diện tích sàn/người học (m2)	2.87	3.9
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm riêng biệt	100%	Không có yêu cầu trong báo cáo công khai
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	733.21	
5	Số bản sách/người học	62.7	
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	10.16%	
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	221.1	

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo⁶

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn (m2)
1	Trụ sở chính	Số 69 phố Chùa Láng	30,269.3	
2	Nhà A	Số 69 phố Chùa Láng		3,913
3	Nhà B (TV)	Số 69 phố Chùa Láng		1,585.5
4	Nhà C	Số 69 phố Chùa Láng		1,838.2
5	Tòa KOICA	Số 69 phố Chùa Láng		2,463.3
6	Nhà khách	Số 69 phố Chùa Láng		526
7	Nhà D	Số 69 phố Chùa Láng		10,769.5
8	Diện tích khác			
Tổng cộng			30,269.3	21,096

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

⁵ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 3 (Cơ sở vật chất) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT

⁶ Diện tích đất và diện tích sàn được xác định theo quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ⁷	Kinh phí (triệu đồng)
1	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Số 69 phố Chùa Láng	3,325.64
2	Lắp sàn thép, mái tôn cho Thư viện	Số 69 phố Chùa Láng	217.61
3	Sửa chữa Nhà khách	Số 69 phố Chùa Láng	99.86
4	Sửa chữa nhà Ký túc xá	Số 69 phố Chùa Láng	242.3
5	Phòng Truyền thống	Số 69 phố Chùa Láng	159.81
6	Phòng Nhật Bản	Số 69 phố Chùa Láng	1,507.99
7	Lắp đặt hệ thống Eparking	Số 69 phố Chùa Láng	210.48
8	Kinh phí đối ứng triển khai dự án thư viện điện tử	Số 69 phố Chùa Láng	1,827.18
9	Mua trang thiết bị cho thư viện	Số 69 phố Chùa Láng	28,000
Tổng cộng			35,590.87

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt Giấy chứng nhận chất lượng giáo dục số 110-2025/GCN-CSGDDH)

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 10 tháng 3 năm 2025 đến ngày 10 tháng 3 năm 2030

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7310206	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	08/06/2021 - 08/06/2026

⁷ Ghi: Trụ sở chính, tên cơ sở hoặc phân hiệu

2	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	08/06/2021 - 08/06/2026
3	7310106	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	08/06/2021 - 08/06/2026
4	7380108	Luật quốc tế	Luật quốc tế	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	08/06/2021 - 08/06/2026
5	7320107	Truyền thông quốc tế	Truyền thông quốc tế	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	08/06/2021 - 08/06/2026

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo⁸

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	96.9%	Không có yêu cầu trong báo cáo công khai
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	134.6%	
3	Tỉ lệ thôi học	1.04%	
4	Tỉ lệ thôi học đầu năm	0.52%	
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	91.14%	
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	81%	
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	92.9%	
8	Tỉ lệ tốt nghiệp hài lòng về tổng thể	85%	
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn (tính trên tổng số sinh viên tham gia khảo sát)	89.7%	

⁸ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 5 (Tuyển sinh và đào tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ⁹ (tính trên tổng số sinh viên tham gia khảo sát)
I	Đại học				
1	Nhân văn				
	Chính quy	772	200	124	88.25%
2	Khoa học xã hội & hành vi				
	Chính quy	2896	856	255	90%
3	Báo chí & Thông tin				
	Chính quy	1599	458	132	93.55%
4	Kinh doanh & quản lý				
	Chính quy	700	248		
5	Pháp luật				87%
	Chính quy	1150	406	118	

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁰

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ trọng thu khoa học - công nghệ	5.3%	Không có yêu cầu trong báo cáo công khai
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0.95	
3	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	0.3	

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm (Triệu đồng)
1	Đề tài Cấp nhà nước (tổng kinh phí 2022-2024)	2	10,868
	Đề tài Nafosted (tổng kinh phí 2022-2024)	2	
2	Đề tài cấp bộ, cấp cơ sở BNG	12	2,212
3	Đề tài cấp Học viện Ngoại giao	3	524
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số		13,604

⁹ Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng đúng chuyên môn đối với người tốt nghiệp đại học.

¹⁰ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 6 (Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2024	Năm 2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	85	Không có yêu cầu trong báo cáo công khai
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	47	
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	29	8
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	Không có yêu cầu trong báo cáo công khai
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	Không có yêu cầu trong báo cáo công khai

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹¹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	29.92%	Không có yêu cầu trong báo cáo công khai
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	42.18%	

2. Kết quả thu chi hoạt động¹²

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	290.85	Không có yêu cầu trong báo cáo công khai
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/ nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo	275.53	
1	Học phí, lệ phí từ người học	258.05	213.96
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	11.12	
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	1.5	

¹¹ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 4 (Tài chính) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

¹² Thống nhất với số liệu trong Biểu mẫu số liệu báo cáo thực hiện Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; không bao gồm kinh phí đầu tư.

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
4	Thu khác	4.86	Không có yêu cầu trong báo cáo công khai
III	Thu khoa học và công nghệ	15.31	
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	14.51	
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0.8	
3	Thu khác	0	
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	0	
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	201.86	
I	Chi lương, thu nhập	69.21	
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	41.72	
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	27.49	
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	68.70	
1	Chi cho đào tạo	39.72	
2	Chi cho nghiên cứu	20.65	
3	Chi cho phát triển đội ngũ	6.76	
4	Chi phí chung và chi khác	1.58	
III	Chi hỗ trợ người học	34.31	
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	24.35	
2	Chi hoạt động nghiên cứu	8.23	
3	Chi hoạt động khác	1.73	
IV	Chi khác	29.64	
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	88.99	

Nơi nhận:

- Công khai trên Trang thông tin điện tử;
- Đảng ủy, HĐT, BGĐ;
- Lưu: HCTH, BĐT

GIÁM ĐỐC**TS. NGUYỄN HÙNG SƠN**